

SỞ Y TẾ NAM ĐỊNH
BỆNH VIỆN ĐA KHOA TỈNH

Số: 2192 /BVT-VTTBYT

Về việc yêu cầu báo giá vật tư xét
nghiệm dùng cho máy XN huyết học.

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Nam Định, ngày 15 tháng 10 năm 2024

Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp vật tư xét nghiệm

Hiện nay, Bệnh viện đa khoa tỉnh Nam Định có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu dự toán mua sắm: Mua vật tư xét nghiệm dùng cho máy xét nghiệm huyết học với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá:

- Đơn vị yêu cầu báo giá: Bệnh viện đa khoa tỉnh Nam Định
- Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá: Phòng văn thư - Bệnh viện đa khoa tỉnh Nam Định; địa chỉ số 2, đường Trần Quốc Toản, TP Nam Định, tỉnh Nam Định.

3. Cách tiếp nhận báo giá:

- Cách thứ 1: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp gửi báo giá và tài liệu kèm theo trên mạng đấu thầu quốc gia (chức năng nhà thầu) tương ứng với yêu cầu báo giá trên hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.

- Cách thứ 2: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp gửi báo giá và tài liệu kèm theo theo địa chỉ: Phòng Văn thư, Bệnh viện đa khoa tỉnh Nam Định; địa chỉ số 2 đường Trần Quốc Toản, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định.

4. Thời hạn kết thúc nhận báo giá: 16 giờ 45 phút ngày 25/10/2024

5. Thời hạn có hiệu lực của báo giá: 150 ngày

II. Nội dung yêu cầu báo giá:

1. Danh mục vật tư xét nghiệm dùng cho máy xét nghiệm huyết học yêu cầu báo giá theo Phụ lục 1 đính kèm.

* Mỗi nhà thầu chỉ tham gia chào 01 báo giá, báo giá có thể chào theo phần hoặc toàn bộ danh mục theo Phụ lục 1. Nhà thầu có thể vận dụng Biểu mẫu báo giá theo Phụ lục 2 đính kèm. Đơn vị cung cấp báo giá chịu trách nhiệm cung cấp thông tin về giá của hàng hóa, dịch vụ phù hợp với khả năng cung cấp của mình và phải bảo đảm việc cung cấp báo giá không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá hoặc nâng khống giá.

2. Địa điểm cung cấp: Bệnh viện đa khoa tỉnh Nam Định.

3. Thời gian thực hiện: Năm 2025-2026

4. Các thông tin khác: Tài liệu kỹ thuật của hàng hóa kèm theo (nếu có)

Bệnh viện đa khoa tỉnh Nam Định rất mong nhận được sự quan tâm và bản chào hàng (báo giá) tốt nhất của quý Công ty/đơn vị./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Công TTĐT BVĐK tỉnh ND;
- Hệ thống mạng đấu thầu QG;
- Lưu: VT, VTTBYT.



Hoàng Ngọc Hà

Phụ lục 1

DANH MỤC VẬT TƯ XÉT NGHIỆM DÙNG CHO MÁY XÉT NGHIỆM HUYẾT HỌC
(Kèm theo văn bản số: /BVT-VTTBYT ngày 15/10/2024 của Bệnh viện ĐK tỉnh Nam Định)

TT	Tên vật tư xét nghiệm	Khối lượng	Đơn vị tính	Yêu cầu
I	Phần I: Vật tư xét nghiệm máy đông máu tự động STA Compact Max			
1	Hóa chất xét nghiệm PT đã hiệu chuẩn.	3.300	ml	Hóa chất xét nghiệm PT trên máy đông máu tự động. Giá trị phân tích kèm theo với mã vạch gồm các thông tin: Số lô, số mã kit, số mã thuốc thử, hạn sử dụng, giá trị tiền hiệu chuẩn, và giá trị ISI. - Thuốc thử 1: Lọ \geq 5ml, chứa thromboplastin đông khô được chiết xuất từ não thỏ, chất ức chế heparin đặc hiệu. - Thuốc thử 2: dung môi hòa tan có chứa canxi. Xét nghiệm phát hiện điểm đông (Clotting) theo cơ chế từ (cơ học) để hạn chế nhiều kết quả khi đo mẫu bệnh lý HIL. Không bị ảnh hưởng với hemoglobin (lên đến 2 g/L), bilirubin liên hợp, bilirubin không liên hợp (lên đến 342 μ mol/L) và triglycerid (lên đến 37 mmol/ L). Tuân thủ theo tài liệu hướng dẫn CLSI EP07-A2.
2	Dung dịch rửa hệ thống được pha sẵn chuẩn hóa	600.000	ml	Dung dịch rửa pha sẵn cho các hệ thống phân tích đông máu tự động, thành phần chính chứa chất diệt nấm họ etherglycol pha loãng trong dung môi nước.
3	Cóng đo xét nghiệm đông máu cơ từ	60.000	Cái	Cuvette bằng nhựa dùng một lần, có bên trong chất liệu thép không gỉ, đóng gói ít nhất 1000 đơn vị cuvette mỗi cuộn, 1 Cuvette = 1 test. Điều kiện bảo quản: nhiệt độ phòng
4	Hóa chất nội kiểm đông máu thường quy	288	ml	Hóa chất kiểm chuẩn xét nghiệm đông máu: PT, Fibrinogen, APTT, TT và ATIII trên máy dòng máy cơ chế từ (cơ học). Các giá trị chứng của mỗi thông số có thể khác nhau giữa các lô thuốc thử, nhưng được chỉ định rõ ràng cho mỗi lô. Giá trị chứng gồm hai mức (bình thường và bệnh lý) cho các thông số.
5	Dung dịch khử nhiễm	14.400	ml	Dung dịch khử nhiễm trên hệ thống máy đông máu, chứa kali hydroxide nồng độ < 1 %. Độ ổn định trên máy ít nhất 5 ngày.
6	Hóa chất xét nghiệm APTT cơ từ	1.050	ml	Hóa chất dùng để xác định thời gian thromboplastin hoạt hóa từng phần (APTT) trong huyết tương, chứa cephalin

				<p>từ mô não thỏ, đông khô; dung dịch đậm kaolin (5mg/ml), l₀ ≥ 5ml. Xét nghiệm phát hiện điểm đông (Clotting) theo cơ chế từ (cơ học) để hạn chế nhiều kết quả khi đo mẫu bệnh lý HIL.</p> <p>Tiêu chuẩn chất lượng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Độ lặp lại đo mẫu 1: 0.6 CV% - Độ lặp lại đo mẫu 2: 0.7 CV% - Độ tái lập đo mẫu 1: 3.5 CV% - Độ tái lập đo mẫu 2: 2.6 CV% <p>Bảo quản sau khi mở nắp với thanh khuấy từ liên tục trên máy ít nhất 24h - 48h. Giữ được trong tủ mát khoảng 7 ngày.</p>
7	Dung dịch lỏng Canxi Clorua 0.025 M	1.800	ml	<p>Dung dịch Canxi Clorua dùng cho các xét nghiệm đông máu như thời gian hoạt hóa thromboplastin từng phần (APTT) hay cho các phân tích các yếu tố đông máu con đường nội sinh. Thành phần dung dịch lỏng Canxi Clorua 0,025 M. chứa chất bảo quản natri Azide (< 1g/L). Điều kiện bảo quản: 2-8 độ C; độ ổn định trên máy ít nhất 3 ngày sau khi mở nắp.</p>
8	Hóa chất xét nghiệm Fibrinogen đã hiệu chuẩn	768	ml	<p>Hóa chất định lượng nồng độ Fibrinogen trong huyết tương người bằng phương pháp Clauss. Giá trị phân tích kèm theo với mã vạch gồm các thông tin: Số lô, số mã kit, số mã thuốc thử, hạn sử dụng và giá trị hiệu chuẩn (được xác nhận cho tất cả thuốc thử cùng lô).</p> <p>Hóa chất chứa thrombin người đã citrat hóa có chứa canxi (khoảng 100 NIH units/ml) và có chứa một chất ức chế đặc hiệu heparin inhibitor cho phép phân tích fibrinogen trong mẫu huyết tương có heparin.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giới hạn đo: 0.4 - 12.0 (g/l) - Sau khi mở nắp, thuốc thử ổn định khoảng 2 tháng ở nhiệt độ 2-8 độ C và khoảng 10 ngày trên máy. - Kết quả Fib không bị nhiễu bởi các thông số HIL như với hemoglobin (lên đến 2 g/L), bilirubin liên hợp, bilirubin không liên hợp (lên đến 0,2 g/L) và triglycerid (lên đến 22,9 g/L).
9	Dung dịch pha loãng mẫu đông máu	2.880	ml	<p>- Dung dịch pha loãng cho xét nghiệm đông máu (dung dịch đậm) có pH khoảng 7,35. Sau khi mở nắp ổn định trên máy ít nhất 3 ngày.</p>
10	Hóa chất xét nghiệm D-Dimer 2 kháng thể đơn	216	ml	<p>Hóa chất định lượng D-Dimer huyết tương tĩnh mạch bằng phương pháp đo</p>

	dòng			miễn dịch độ đục kèm mã vạch gồm các thông tin: Số lô, số mã kit, số mã thuốc thử, hạn sử dụng và các giá trị hiệu chuẩn, giá trị tiền hiệu chuẩn này có giá trị cho tất cả bộ kit cùng lô - Thành phần: + Thuốc thử 1: Dung dịch đệm chứa tác nhân ngăn chặn dị kháng thể + Thuốc thử 2: dung dịch huyền phù vi hạt latex được phủ bởi hai kháng thể đơn dòng khác nhau kháng D-dimer người - Hóa chất ổn định trên máy lên được tới 15 ngày.
11	Hóa chất nội kiểm xét nghiệm D-Dimer (hoặc VWF; PS Free)	72	ml	Cung cấp huyết tương bình thường và bất thường cho các xét nghiệm kiểm chuẩn theo phương pháp miễn dịch độ đục như D-Dimer, VWF và protein S Free. Bảo quản nhiệt độ từ 2-8 độ C. Độ ổn định trên máy khoảng 8 giờ sau khi mở nắp.
12	Cúp chiết hóa chất đông máu	1.200	Cái	Ống hình trụ làm bằng thủy tinh, tráng silicon bên trong; dùng để chứa hóa chất xét nghiệm đông máu, QC hoặc Calibrator
13	Cúp chiết mẫu đông máu	1.000	Cái	Ống hình trụ đáy nhọn làm bằng nhựa, dùng để chứa huyết tương bệnh phẩm trong xét nghiệm đông máu
14	Thanh khuấy từ cho xét nghiệm aPTT	1	Cái	Thanh khuấy từ màu đỏ dùng cho hóa chất xét nghiệm aPTT, phân biệt bằng màu sắc
15	Thanh khuấy từ cho xét nghiệm PT	1	Cái	Thanh khuấy từ dùng cho hóa chất xét nghiệm PT, phân biệt bằng màu sắc
Phần II: Vật tư xét nghiệm máy xét nghiệm huyết học XN-550				
1	Hóa chất rửa hệ thống	240	ml	Được sử dụng như một chất tẩy rửa có tính kiềm mạnh để loại bỏ các thuốc thử ly giải, dư lượng tế bào và các protein trong máu còn lại trong hệ thống thủy lực của máy xét nghiệm huyết học tự động. Thành phần gồm Sodium Hypochlorite (nồng độ clo 5.0%) hoặc tương đương. Bảo quản nhiệt độ từ 1-30°C
2	Hóa chất pha loãng	2.900.000	ml	Được sử dụng để đo số lượng và kích thước của hồng cầu và tiểu cầu bằng nguyên lý tập trung dòng chảy thủy động học. Thành phần gồm Sodium chloride 0.7%, Tris buffer 0.2%, EDTA-2K 0.02%. Bảo quản nhiệt độ từ 2 - 35°C
3	Dung dịch ly giải	54.000	ml	Được sử dụng để xác định nồng độ

				hemoglobin trong máu trên máy xét nghiệm huyết học tự động. Thành phần gồm Sodium Lauryl Sulfate 1.7g/L. Độ tái lập (reproducibility) đạt CV thấp hơn hoặc bằng 1.5%. Bảo quản nhiệt độ từ 1-30°C
4	Hóa chất nhuộm WDF	2.184	ml	Được sử dụng để đánh dấu các bạch cầu trong các mẫu máu đã được pha loãng và ly giải nhằm phân loại các thành phần bạch cầu bằng máy xét nghiệm huyết học tự động. Thành phần gồm Polymethine 0.002 %, Methanol 3.0 %, Ethylene glycol 96.9 %. Bảo quản nhiệt độ từ 2-35°C
5	Hóa chất ly giải WDF	180.000	ml	Được kết hợp và sử dụng với chất nhuộm tương thích để đếm số lượng và tỷ lệ phần trăm bạch cầu trung tính, bạch cầu lympho, bạch cầu mono và bạch cầu ái kiềm. Thành phần gồm Organic quaternary ammonium salts 0.07 %, Nonionic surfactant 0.17 %. Bảo quản nhiệt độ từ 2 - 35°C
6	Chất nội kiểm mức thấp	42	ml	Được sử dụng như vật liệu kiểm soát mức thấp cho công thức máu toàn phần (CBC). Thành phần tế bào hồng cầu và bạch cầu được ổn định ở người, tiểu cầu và hồng cầu nhân được giữ ổn định trong môi trường có chất bảo quản. Bảo quản nhiệt độ từ 2-8°C.
7	Chất nội kiểm mức trung bình	42	ml	Được sử dụng như vật liệu kiểm soát mức trung bình cho công thức máu toàn phần (CBC). Thành phần tế bào hồng cầu và bạch cầu được ổn định ở người, tiểu cầu và hồng cầu nhân được giữ ổn định trong môi trường có chất bảo quản. Bảo quản nhiệt độ từ 2-8°C.
8	Chất nội kiểm mức cao	42	ml	Được sử dụng như vật liệu kiểm soát mức cao cho công thức máu toàn phần (CBC). Thành phần tế bào hồng cầu và bạch cầu được ổn định ở người, tiểu cầu và hồng cầu nhân được giữ ổn định trong môi trường có chất bảo quản. Bảo quản nhiệt độ từ 2-8°C.

